

SUY NGHĨ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG GIÁO VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM: NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN

Tóm tắt: Về mặt phi quan phương, ngay từ khi Công giáo truyền bá và phát triển ở Việt Nam dưới các hình thức khác nhau đã có những việc làm gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Nhưng về mặt quan phương, phải đến khi Hội đồng Giám mục Việt Nam thành lập tháng 4/1980, thông qua “Thư chung 1980”, Công giáo Việt Nam mới xác quyết đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Bài viết đề cập đến nhận thức và thực tiễn của mối quan hệ giữa Công giáo và Dân tộc, cụ thể là vấn đề Công giáo Việt Nam gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

Từ khóa: Giáo hội Công giáo Việt Nam, Hội đồng Giám mục Việt Nam, Thư chung 1980, Công giáo và Dân tộc.

1. Đặt vấn đề

Công đồng Vatican II (1962 - 1965) được Giáo hội Công giáo xem là Lễ Ngũ tuần mới. Ở đó, Công giáo Việt Nam được đón Thần khí mới. Mùa Xuân năm 1975, đất nước thống nhất, Công giáo Việt Nam “trở nên một”, có cơ hội mới để xây dựng và phát triển. Đó là hai nhân tố quan trọng tác động đến đường hướng mục vụ của Giáo hội Công giáo Việt Nam thể hiện qua *Thư chung 1980* của Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Thư chung 1980* viết: “Bước vào giai đoạn mới này của dân tộc, chúng tôi muốn nhìn vào gương Đức Phaolô VI khi Người mới làm Giáo hoàng. Trong Thông điệp đầu tiên của Người nhan đề “Giáo hội Chúa Kitô”, Người đã suy nghĩ nhiều về sứ mạng của Hội thánh trong thế giới hôm nay. Mối bận tâm chính của Người xoay quanh ba tư tưởng lớn: Tư tưởng thứ nhất là đã đến lúc Giáo hội phải có một nhận định sâu xa về chính mình, phải suy ngẫm về mầu nhiệm của mình. Tư tưởng thứ hai là “đem bộ mặt thực của Giáo hội ngày nay đối chiếu với hình ảnh lý tưởng của Giáo hội như Đức Kitô đã thấy, đã muốn và đã yêu như ban thánh thiện

* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

và tinh tuyền của mình” (*Ep 5: 27*), từ đó “sinh ra một ước muốn quảng đại và bức thiết là phải canh tân”. Còn tư tưởng thứ ba như là kết luận của hai tư tưởng trên, nói về những quan hệ phải có giữa Giáo hội và thế giới (*Giáo hội Chúa Kitô: 9 - 14*)¹.

Dưới tác động của Công đồng Vatican II và *Thông điệp Chúa Kitô*, cũng như từ phía dân tộc Việt Nam, Hội đồng Giám mục Việt Nam qua *Thư chung 1980* đã xác quyết đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc Việt Nam. Đây là một đường hướng mang tính đột phá về nhận thức, mở ra một giai đoạn mới đánh dấu sự chuyển biến về chất của Công giáo Việt Nam.

2. Nhận thức về Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

Để có cái nhìn biện chứng, theo chúng tôi cần chỉ ra nhận thức từ phía Giáo hội Công giáo Việt Nam cũng như từ phía Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Bởi vì, đây là nhận thức có mối tương quan Đạo - Đời, Công giáo - Dân tộc.

2.1. Nhận thức của Công giáo Việt Nam về gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, thể chế chính trị mà Công giáo gắn bó, đồng hành

2.1.1. Nhận thức của Công giáo Việt Nam về gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

Phải nói ngay rằng, nhận thức về gắn bó, đồng hành cùng dân tộc được đặt ra ở đây là nhận thức về mặt quan phương từ phía Giáo hội Công giáo Việt Nam. Bởi ngay từ khi Công giáo truyền vào Việt Nam, về mặt phi quan phương, người Công giáo Việt Nam dưới các hình thức khác nhau đã có những việc làm gắn bó, đồng hành cùng dân tộc.

Nhưng về mặt quan phương, từ sau Công đồng Vatican II, đặc biệt từ sau khi Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, trong đường hướng mục vụ của giáo quyền mới xuất hiện cụm từ gắn bó, đồng hành (cùng dân tộc). Nhận thức này bắt đầu từ Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, Tổng Giáo phận Sài Gòn và Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền, Tổng Giáo phận Huế ngay vào thời điểm sau giải phóng.

Ngày 5/5/1975, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình có *Thư gửi linh mục, tu sĩ và những chị em giáo dân*, trong đó có đoạn: “Hơn mọi lúc, giờ đây người Công giáo phải hòa mình vào nhịp sống của toàn dân đi sâu vào lòng dân tộc. Chúng ta phải nỗ lực tối đa góp phần vào công cuộc hòa giải dân tộc, phát động tình thương, sự hiểu biết, lòng tha thứ sự

quảng đại... Điều quan trọng là biết hướng về tương lai, cùng với mọi anh em đồng bào dưới sự hướng dẫn của Chính phủ Cách mạng lâm thời xây dựng một nước Việt Nam thịnh vượng, một xã hội mới tiến bộ, công bình, giàu tình thương”².

Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền, trong tập sách *Tôi vui sống* đề ngày 1/5/1976, ở mục “Trong xã hội mới” đã viết: “Tôi đang sống trong một nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất và chủ nghĩa xã hội... Tôi không sống bên lề dân tộc đang tiến lên, tôi không làm trì chậm bước tiến của nước nhà vì thái độ tiêu cực ươn hèn”³.

Trong *Thư luân lưu gửi giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân Tổng Địa phận*, đề ngày 12/6/1975, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình nhắc nhở các thành phần Dân Chúa: “Về bốn phận của người Công giáo đối với chính quyền cũng như đối với quốc gia, dân tộc. Bao gồm công nhận, phục tùng và hợp tác. “Cộng đồng chính trị và công quyền xây dựng nền tảng trên bản tính con người, nên cũng nằm trong trật tự do Thiên Chúa an bài” (*Hiến chế Vui mừng và Hy vọng*, số 74). Vì thế, Giáo hội dạy ta phải công nhận và phục tùng chính quyền, góp phần hợp tác với chính quyền trong việc mưu cầu hạnh phúc cho toàn dân”⁴.

Nhân dịp Quốc khánh năm 1975, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình ra *Thư chung* đề ngày 31/8/1975, khi bàn đến vấn đề canh tân đã lưu ý giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân Tổng Giáo phận về tương quan Đạo và Đời: “Gây dựng một cộng đồng cởi mở, không phải là một tổ chức khép kín... đón nhận tất cả những gì tốt đẹp ở giữa chúng ta cũng như ở nơi người khác... sẵn sàng hợp tác một cách thành thực, khiêm tốn, yêu thương với tất cả những ai phục vụ con người”⁵.

Trong tài liệu học tập về bầu cử Quốc hội, đề ngày 15/3/1976, gửi linh mục, tu sĩ và giáo dân Tổng Giáo phận Sài Gòn, quan điểm của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình là: “Giáo hội... không mong muốn, không tìm cách gây dựng cho riêng mình một lực lượng chính trị nào”⁶.

Những tư tưởng nêu trên được xem là tiền đề để Tổng Giám mục hai Tổng Giáo phận Sài Gòn và Huế đưa vào *Thư chung 1976*. Vấn đề gắn bó và đồng hành cùng dân tộc được thể hiện qua sự dấn thân và người Công giáo trong cộng đồng dân tộc.

Về sự dấn thân, quan điểm của các giám mục Miền Nam đương thời là: “Cộng đoàn Kitô hữu Việt Nam, vì thế không thể đứng ngoài những

thay đổi diễn ra trong lòng dân tộc. Như Giáo hội toàn cầu ở mọi nơi, Giáo hội ở đây cũng “phải đồng tiến với xã hội loài người và cùng nhau chia sẻ mọi số phận trần thế với đồng bào” (*Hiến chế Vui mừng và Hy vọng*, số 40).

Về người Công giáo trong cộng đồng dân tộc, *Thư chung* khẳng định: “Không có “khối Công giáo” như một thể lực chính trị, người Công giáo là thành phần của cộng đồng dân tộc, hoàn toàn hòa mình trong cuộc sống đồng bào, cùng chung nỗi vui mừng, niềm hy vọng và nỗi lo âu của toàn dân”⁷.

Thư chung kết luận: “Để kết thúc, chúng tôi xin nhắc lại: đức tin không phải là bức tường ngăn cách người có tín ngưỡng và không tín ngưỡng, cũng không phải là thuốc mê đưa người Công giáo xa rời thực tại trần gian”.

Khái niệm gắn bó, đồng hành (cùng dân tộc) được Hội đồng Giám mục Việt Nam chính thức đưa ra ở Đoạn 9 trong *Thư chung 1980* với tiêu đề “Gắn bó với dân tộc và đất nước”. Toàn văn của Đoạn 9 như sau: “Là Hội thánh trong lòng dân tộc Việt Nam, chúng ta quyết tâm gắn bó với vận mạng quê hương, noi theo truyền thống dân tộc hòa mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước. Công đồng dạy rằng “Hội thánh phải đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần gian với thế giới” (*MV 40: 2*). Vậy chúng ta phải đồng hành với dân tộc mình, cùng chia sẻ một cộng đồng sinh mạng với dân tộc mình, vì quê hương này là nơi chúng ta được Thiên Chúa mời gọi để sống làm con của Người, đất nước này là lòng mẹ cưu mang chúng ta trong quá trình thực hiện ơn gọi làm con Thiên Chúa, dân tộc này là cộng đồng mà Chúa trao cho chúng ta để phục vụ với tính cách vừa là công dân vừa là thành phần Dân Chúa”.

Sự gắn bó này đưa tới những việc cụ thể mà có thể tóm lại trong hai điểm chính: Một là, tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Hai là, xây dựng trong Hội thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc.

2.1.2. Thể chế chính trị mà Công giáo gắn bó, đồng hành

Thể chế chính trị mà Công giáo gắn bó, đồng hành là vấn đề đặt ra từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một vấn đề khá phức tạp, đến nay vẫn chưa thật ngã ngũ.

Năm 1954, Miền Bắc được giải phóng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, nhân dân Miền Bắc tiến hành cải tạo xã hội, đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương của tiền tuyến Miền Nam, giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Nếu như hàng giám mục bất hợp tác hoặc chống đối công cuộc cách mạng nêu trên thì một bộ phận giáo sĩ và đông đảo giáo dân tham gia. Đặc biệt, trước đòi hỏi của thực tế, một số giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân tiêu biểu lập nên tổ chức yêu nước của người Công giáo, đó là Ủy ban Liên lạc Những người Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình (1955). Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển (1955 - 1983), Ủy ban không chỉ là cầu nối giữa Đạo và Đời, mà còn là nòng cốt cho phong trào yêu nước của người Công giáo. Người Công giáo Miền Bắc trở thành một bộ phận của dân tộc tham gia vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Ở Miền Nam, tiếp thu tinh thần canh tân và nhập thể của Công đồng Vatican II, một bộ phận giáo sĩ, tu sĩ và trí thức Công giáo tiến bộ dần tìm về với dân tộc, đi với lực lượng tiến bộ tham gia hòa giải dân tộc, một bộ phận trực tiếp tham gia vào công cuộc giải phóng Miền Nam.

Từ đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, một số giáo sĩ tiến bộ dành tâm sức tìm hiểu chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, tiêu biểu là Linh mục Trương Bá Cẩn. Ông có bài viết “25 năm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc”, đăng liên tục trong ba số 14 - 15 - 16 (các tháng 8, 9, 10 năm 1970) trên tờ *Đối diện*. Bài báo có tiếng vang lớn trong giới Công giáo Miền Nam thời bấy giờ. Còn chính quyền Sài Gòn, ngay từ số 14 đã ra lệnh tịch thu nhằm giảm ảnh hưởng của bài báo.

Trên tờ *Đứng dậy* (tục bản của tờ *Đối diện*), số 82, ra ngày 30/4/1976, đăng bài viết “Giới Công giáo trước vấn đề thống nhất đất nước và tiến lên chủ nghĩa xã hội” của Linh mục Chân Tín, người đi cùng đoàn đại biểu Miền Nam ra thăm Miền Bắc. Bài báo một mặt ghi nhận thành tựu của Miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhưng mặt khác, qua những điều mắt thấy tai nghe khiến vị linh mục này có ba băn khoăn: cái nghèo, tự do dân chủ và tự do tôn giáo.

Ba băn khoăn của Linh mục Chân Tín không phải là không có lý. Vì Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện trải qua hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến. Về tự do dân chủ, do tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội những năm tháng đầu tiên sau giải phóng còn nhiều bất ổn, nên vấn đề đi

lại, giao thương hoặc quan hệ với chính quyền vẫn còn những ngăn trở. Về tự do tôn giáo, chủ yếu là cho giới Công giáo, bởi tư tưởng vô thần và hữu thần vẫn còn rất nặng nề. Một bản khoản đặt ra liệu chính sách của Nhà nước Việt Nam có thực sự tôn trọng tự do tôn giáo hay đó chỉ là sách lược.

Bản khoản là như vậy, nhưng tác giả bài báo không vì thế mà lên tiếng rằng Công giáo không thể không đi với chủ nghĩa xã hội. Vấn đề này được đặt ra tuy không mới đối với Công giáo Miền Bắc, nhưng là vấn đề mới với Công giáo Miền Nam.

Bản khoản của Linh mục Chân Tín cũng là bản khoản của số đông đồng bào Công giáo Miền Nam được giải tỏa bởi *Thư chung 1975* của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình: “Chắc chắn anh chị em không sợ thống nhất mà có lẽ anh chị em sợ thống nhất trên cơ sở chủ nghĩa xã hội. Nhưng xã hội chủ nghĩa là một phương thức sản xuất không cho phép người bóc lột người, mà nhằm phân chia lợi ích cho hợp lý”⁸.

Nhà nước đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là hai nội dung của một vấn đề đòi hỏi người Công giáo phải chấp nhận cùng một lúc. Bởi vì, nhà nước xã hội chủ nghĩa là mục tiêu mà người Cộng sản Việt Nam hướng dân tộc đi tới. Vấn đề này bước đầu được làm sáng tỏ trong tham luận *Kitô hữu Việt Nam sống trong nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo* tại Đại hội Giám mục Thế giới lần thứ năm (1977) của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình. Bài tham luận phân tích ba mệnh đề tạo nên môi trường sống của người Công giáo Việt Nam hôm nay, đó là nước Việt Nam đang tiến lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; môi trường mác xít; thái độ của người Công giáo Việt Nam. Từ đó, vị Tổng Giám mục này khẳng định: “Đối với Kitô hữu Việt Nam hợp tác với người vô thần như Hiến chế ở số 21⁹, cụ thể có nghĩa là sống trong môi trường do Cộng sản xây dựng cùng với người Cộng sản xây dựng xã hội mới”¹⁰.

Về phía giáo quyền, từ ngày 10/7 đến ngày 16/7/1976, các giám mục Miền Nam họp hội nghị, ra *Thư chung* gửi toàn thể giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân hai Tổng Giáo phận Huế và Sài Gòn. Một trong những nội dung của đường hướng mục vụ mà *Thư chung 1976* đặt ra đáng lưu ý là ở Đoạn 7 với nhan đề *Người Công giáo và chủ nghĩa xã hội* đi thẳng vào vấn đề mà từ hàng giáo phẩm đến giáo dân Miền Nam quan tâm: “Chúng tôi biết

rằng, nhiều anh chị em thắc mắc: làm sao chấp nhận chủ nghĩa xã hội trên cơ sở duy vật vô thần? Đối với người Công giáo thắc mắc đó rất hợp lý. Thật vậy giữa đức tin Kitô giáo và chủ nghĩa Mác - Lênin có xung khắc về cơ bản? Điều này ai cũng nhìn nhận. Tuy nhiên, không vì thế mà không thể có đối thoại và cộng tác chân thành giữa những ai cùng phục vụ con người trong sứ mạng cá nhân và xã hội”¹¹.

Vấn đề Công giáo với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam lại được giáo quyền đề cập tới trong Đại hội Liên Hội đồng Giám mục Châu Á (Federation of Asian Bishops' Conference - FABC) lần thứ X, tổ chức từ ngày 10/12 đến ngày 16/12/2012 tại Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Đại hội này, Giám mục Bùi Văn Đọc, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam từ tháng 10/2013 và Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 3/2014, trình bày đối thoại theo ba hướng mà FABC đề ra ngay từ khi mới thành lập (tài liệu làm việc, số 5) là: hướng về người nghèo, hướng về các nền văn hóa và hướng về các tôn giáo. Từ thực tiễn của Công giáo Việt Nam, Giám mục Bùi Văn Đọc đề nghị Đại hội Liên Hội đồng Giám mục Châu Á “cùng nhau suy nghĩ về một hướng thứ tư, là đối thoại với xã hội vô thần duy vật”¹².

Dù được giáo quyền xác định ngay từ ngày đầu giải phóng (1975), song vấn đề Công giáo với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam dường như chưa bao giờ thật sự ngã ngũ. Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình trong tham luận tại Đại hội Giám mục Thế giới lần thứ năm (1977) xác định: “Bước chân chúng tôi đã dứt khoát” (sống trong nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam), nhưng vẫn còn tồn tại một vấn đề căn bản là: “Làm sao chung sống, chung xây với người Cộng sản mà vẫn là Kitô hữu và đem được phần đặc thù của mình vào trong công cuộc xây dựng này?”. Rõ ràng đây là vấn đề lớn vào thời điểm năm 1977. “Tồn tại cơ bản” mà Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình nêu ra từ sau khi đất nước Việt Nam bước vào công cuộc Đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam giải đáp một cách cơ bản.

Mặc dù vậy, vấn đề chủ nghĩa vô thần và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được Hội đồng Giám mục Việt Nam đặt lại qua văn bản *Các Giám mục Công giáo Việt Nam nhận định và góp ý “Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2013)”* đề ngày 01/3/2013.

Nội dung văn bản có đoạn: “Phải hiểu thế nào và làm sao thực thi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, bởi lẽ chủ nghĩa Mác - Lênin tự thân là chủ nghĩa vô thần”. Từ việc cho rằng “lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng” là một “tư tưởng đã bị đóng khung trong một chủ thuyết”, nên những quyền của con người được nêu trong *Hiến pháp* “chỉ là những ân huệ được ban cho nhân dân tùy lúc, tùy nơi chứ không phải là quyền phổ quát, bất khả xâm phạm và bất khả nhượng”, các giám mục Công giáo Việt Nam đề nghị: “Hiến pháp không nên và không thể khẳng định cách tiên thiên sự lãnh đạo của bất kỳ đảng phái chính trị nào¹³. Như vậy, các giám mục Công giáo Việt Nam phủ nhận quyền lãnh đạo dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam, điều mà giáo quyền đã phủ định những năm đầu sau giải phóng Miền Nam.

Sau khi văn bản *Các Giám mục Công giáo Việt Nam nhận định và góp ý “Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2013)”* được công bố, trên một số phương tiện truyền thông ở Việt Nam đã có những bài viết của giáo dân phản hồi không đồng tình. Đáng kể là bài “Nhiều điều chưa sáng tỏ trong một bản góp ý” của Nguyễn Trọng Nghĩa đăng trên báo *Nhân Dân* ngày 19/4/2013. Tác giả bài báo không đồng tình với các giám mục khi đồng nhất người cộng sản là vô thần: “Tôi biết cụm từ “cộng sản vô thần” xuất phát từ sự xuyên tạc của những người chống cộng từ ý thức hệ, như là sự đối trọng giữa “tư bản” và “cộng sản” của thế kỷ trước. Hiện tại, tôi nhận biết rất nhiều người cộng sản có tín ngưỡng của nhiều tôn giáo, mà hầu hết là các tôn giáo phổ biến, còn những người không theo tín ngưỡng - tôn giáo nào đó thì cũng thờ cúng tổ tiên,... Vậy nhận định người cộng sản vô thần theo tôi là chưa đúng và quá thiên kiến hay chỉ là nhận định chống cộng sản không suy xét!?”.

Cuối bài báo, với tư cách là một người Công giáo, tác giả viết: “Con tin rằng các vị giám mục cũng là công dân nên không đứng ngoài chính trị, nhưng con thấy rằng các nhận định và đóng góp có hơi hướng của các thành phần chống cộng rất thiên kiến, cực đoan, xuyên tạc sự thật... Con tin không 100% giám mục đồng quan điểm với bản nhận định và góp ý, nhưng các vị ấy vẫn phải đứng tên cùng “Các Giám mục Công giáo Việt Nam”. Các ngài giám mục nên biết rằng chúng con cũng có suy tư, cũng có quan điểm về mọi vấn đề khác nhau. Các giám mục không thể đại diện cho toàn thể giáo dân Việt Nam mượn việc góp ý với Hiến pháp để thể hiện thiên kiến của mình”.

Dù không phải tất cả các giám mục đồng ý với *Các Giám mục Công giáo Việt Nam nhận định và góp ý “Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2013)”*, và văn bản này không thể đại diện cho toàn thể giáo dân Việt Nam, nhưng nó cho thấy con đường (nhìn từ phía giáo quyền) đi với dân tộc xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là con đường còn lắm chông gai ở phía trước.

2.2. Nhận thức từ phía Đảng và Nhà nước Việt Nam về Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

- Tầm nhìn biện chứng về Cộng sản và Công giáo là một vấn đề then chốt. Giải quyết được vấn đề này mới mở ra được những vấn đề khác. Cốt lõi là Cộng sản theo thuyết vô thần, Công giáo theo thuyết hữu thần, Cộng sản và Công giáo không thể đi cùng một con đường vì mục tiêu của Cộng sản là tiêu diệt tôn giáo. Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, vấn đề nêu trên được đặt ra để giải quyết. Lê Hồng Phong, lãnh tụ của Đảng khi đọc tập sách *Những gốc rễ của tôn giáo*, trong đó có ý kiến: “Nếu không thủ tiêu tôn giáo trong quần chúng, cách mạng không thể thắng lợi được” đã không ngần ngại nhận xét: “Khẩu hiệu này là sai lầm tận gốc”¹⁴.

Từ năm 1947, tình hình Công giáo xảy ra nhiều vụ việc phức tạp, đặc biệt là vấn đề tư tưởng chống cộng. Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết bài “Cộng sản và Công giáo”, đăng trên tờ *Sự thật*, số 10 (25/12/1948) chỉ rõ quan điểm của Đảng về vấn đề Cộng sản với những nội dung sắc bén. Chẳng hạn, “Chúng tôi không tin có Chúa Lời, nhưng chúng tôi không hề mạt sát Chúa Lời của Công giáo...”, từ đó kết luận: “Chúng tôi không muốn kéo dài vấn đề Cộng sản và Công giáo”.

Trước đó, trong *Thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ* đề ngày 02/3/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi cho rằng, chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau. Mục đích của Chính phủ là giải phóng nhân dân khỏi đói, khỏi rét và khỏi dốt; đem lại cho nhân dân tự do sống, tự do tôn giáo; bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, đã kết luận: “Nếu cộng sản mà thực hiện những việc trên đây, tôi tin chắc rằng mọi người sẽ chấp nhận thứ cộng sản đó”¹⁵. Hồ Chí Minh qua bài viết chỉ ra giữa Cộng sản và Công giáo ở Việt Nam tuy khác nhau về tư tưởng, nhưng nếu cùng chấp nhận mục đích phấn đấu vì quyền lợi cơ bản của người dân và lợi ích của dân tộc, hoàn toàn gặp gỡ được nhau. Mặt khác, ngay từ rất sớm, Hồ Chí

Minh đã tiếp cận tôn giáo dưới góc độ văn hóa, vai trò của tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội và văn hóa trên cơ sở tôn giáo ở Việt Nam¹⁶.

Bước vào công cuộc Đổi mới, phát triển đất nước, kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, Nghị quyết 24-NQ/TW (16/10/1990) nhận định: “Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Cách tiếp cận văn hóa, đạo đức tôn giáo (trong đó có Công giáo) của Đảng Cộng sản Việt Nam rõ ràng xóa đi rào cản đối lập tư tưởng hữu thần - vô thần. Như vậy, người Công giáo hoàn toàn yên tâm sống lâu dài với người Cộng sản.

- Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* ra ngày 16/10/1990, khẳng định: “Đồng bào có đạo đa số là nhân dân lao động có lòng yêu nước đã góp phần cùng toàn dân phấn đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo đã làm tốt việc đạo và đời, hướng dẫn tín đồ chấp hành đúng chính sách của Nhà nước”.

Ngày 02/7/1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, trong đó nhận định: “Nhìn chung chức sắc các tôn giáo hành đạo gắn bó với dân tộc, phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Tín đồ ngày càng yên tâm, tin tưởng và hăng hái thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào công cuộc đổi mới, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Trong Nghị quyết 25 ban hành ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh giá: “Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước”.

Nghị quyết, chỉ thị của Đảng đánh giá về tôn giáo ở Việt Nam nói chung, trong đó có Công giáo, nổi bật với bốn nhận thức đáng chú ý sau đây: Tín đồ Công giáo đa số là nhân dân lao động, có lòng yêu nước. Chức sắc Công giáo có vai trò to lớn, làm tốt việc đạo, việc đời. Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, tham gia xây dựng xã hội mới, bảo

vệ Tổ quốc. Chức sắc và tín đồ Công giáo chấp hành đúng chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nhận thức từ phía Đảng và Nhà nước Việt Nam được đề cập ở trên là rõ ràng. Tuy nhiên, trong một số cán bộ đảng viên vẫn còn những nhận thức trái chiều về vấn đề này, tựu trung lại ở hai dạng:

Thứ nhất: Bước vào công cuộc đổi mới với đường lối chính sách cởi mở của Đảng và Nhà nước, đời sống tôn giáo ở Việt Nam, trong đó có Công giáo, có sự trở lại của niềm tin tôn giáo của một bộ phận tín đồ trước kia được xem là khô đạo, nhạt đạo. Trước hiện tượng này, một số ý kiến cho rằng, sở dĩ tín đồ đến cơ sở thờ tự đông vì họ mất niềm tin vào cuộc sống hiện tại do Đảng lãnh đạo. Việc tôn giáo phát triển sẽ dẫn đến hậu quả niềm tin và lý tưởng của Đảng bị giảm sút. Cách nhìn nhận này vô hình trung tách rời Đời và Đạo. Những người theo nhận định này không hiểu nhận thức của Đảng: Đạo và Đời là một. Người tín đồ hoàn toàn có thể sống đẹp đạo mà vẫn tốt đời. Họ vừa có niềm tin tôn giáo vừa có niềm tin vào Đảng.

Thứ hai: Không tin vào đường hướng Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Điều đó có chăng là một cách để Công giáo hoạt động chống đối Nhà nước¹⁷. Rõ ràng đây là một nhận thức không có căn cứ.

Nguyên nhân dẫn đến hai dạng nhận thức trên là vẫn còn một số cán bộ đảng viên chưa theo kịp nhận thức đổi mới công tác tôn giáo của Đảng. Điều này được chỉ ra trong báo cáo chính trị của Đảng tại Đại hội lần thứ VII¹⁸.

3. Nội hàm Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc

Đoạn 9 với tiêu đề “Gắn bó với dân tộc và đất nước”, Hội đồng Giám mục Việt Nam qua *Thư chung 1980* đã chỉ ra: “Sự gắn bó và hòa mình này đưa tới những nhiệm vụ cụ thể mà chúng ta có thể tóm lại trong hai điểm chính: 1/ Tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. 2/ Xây dựng trong Hội thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”.

Như vậy, nội hàm Công giáo gắn bó, đồng hành cùng dân tộc được thể hiện trên hai lĩnh vực chính là chính trị - xã hội và văn hóa.

Tiếp theo, ở Đoạn 10 và Đoạn 11, *Thư chung 1980* làm sáng tỏ và cụ thể hóa từng lĩnh vực.

Về lĩnh vực chính trị - xã hội, Đoạn 10 viết: “Lòng yêu nước của chúng ta phải thiết thực, nghĩa là chúng ta phải ý thức những vấn đề hiện tại của quê hương, phải hiểu biết đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước, và tích cực cùng đồng bào toàn quốc góp phần bảo vệ và xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, tự do và hạnh phúc”.

Về lĩnh vực văn hóa, Đoạn 11 viết: “Một đảng chúng ta phải đào sâu Thánh Kinh và Thần học để nắm vững những điều cốt yếu của đức tin, đảng khác, phải đào sâu nếp sống của từng dân tộc trong nước, để khám phá ra những giá trị riêng của mỗi dân tộc. Rồi từ đó, chúng ta vận dụng những cái hay trong một kho tàng văn hóa và xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp hơn với truyền thống của mỗi dân tộc”.

Trên cơ sở *Thư chung 1980*, một số Thư chung và Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam từ sau năm 1980 đến nay tiếp tục làm rõ thêm hai nội dung chính trị - xã hội và văn hóa. Nội dung *Thư chung 2001* có đoạn: “Tiếp tục đường hướng đồng hành với dân tộc, đồng cảm, chia sẻ hy vọng và lo âu của dân tộc trong tiến trình phát triển xã hội và thăng tiến con người. Ta không nhìn những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục như những kẻ đứng ngoài cuộc, nhưng nhận đó là những vấn đề của ta và chủ động góp phần giải quyết, hầu cho mọi người được sống và sống dồi dào. Ta không thể thờ ơ với những chương trình phát triển cũng như tình trạng nghèo đói và những tệ nạn xã hội, bởi vì ta là thành viên của cộng đồng dân tộc với tất cả quyền lợi và nghĩa vụ”.

Gần đây, trước việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 trái phép trong vùng đặc quyền và thềm lục địa của Việt Nam, Hội đồng Giám mục Việt Nam có ý kiến *Về tình hình Biển Đông*, do Giám mục Bùi Văn Đọc ký đề ngày 9/5/2014. Đồng thời, Hội đồng Giám mục Việt Nam kêu gọi: “Với người Công giáo Việt Nam, đây là lúc chúng ta cần biểu lộ trọn vẹn lòng ái quốc của mình theo lời Đức Giáo hoàng Benedicto XVI huấn dụ: “Là người Công giáo tốt cũng là công dân tốt”. Lòng yêu mến thể hiện ở việc chúng ta không thể thờ ơ với tình hình của đất nước trong hiện tại cũng như trong tương lai, chuyên cần hy sinh cầu nguyện cho quê hương đất nước với lương tâm của mình, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng đáp lại lời mời gọi cứu nguy Tổ quốc” (Đoạn 3).

Thư chung 1992, Mục 9 với tiêu đề “Xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin có bản sắc dân tộc hơn” có đoạn: “Đi tìm sắc thái văn

hóa dân tộc không có nghĩa đơn thuần lấy lại những cái cổ xưa, nhưng làm sao cho tính cách dân tộc được diễn tả trong lời kinh tiếng hát, trong cử hành phụng vụ, trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong suy tư và ngôn ngữ thần học”.

Hội đồng Giám mục Việt Nam qua *Thư mục vụ 2000* đưa ra một chiều kích về gắn bó, đồng hành cùng dân tộc là: “Sống, làm chứng và loan báo Tin Mừng theo cung cách Việt Nam”. Về nội dung văn hóa, vấn đề là sự hội nhập với văn hóa dân tộc nhưng cách nhìn rõ rệt hơn, thấu đáo hơn bởi cụm từ “theo cung cách Việt Nam”.

4. Kết luận

Ngay từ khi có mặt ở Việt Nam, Công giáo đã dần gắn bó, đồng hành cùng dân tộc. Tuy nhiên, ở mỗi thời kỳ, nhận thức cũng như nội hàm về gắn bó, đồng hành cùng dân tộc có độ đậm nhạt khác nhau.

Con đường gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Công giáo Việt Nam theo hướng quan phương và phi quan phương. Nếu như hướng phi quan phương xuất hiện ngay thời gian đầu của công cuộc truyền bá Công giáo ở Việt Nam và diễn ra tương đối thuận chiều, thì hướng quan phương phải đợi đến sự tác động của Công đồng Vatican II (1962 - 1965) và trào lưu cách mạng giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước mới dần hình thành và được định hình rõ nét bởi *Thư chung 1980* của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Từ đó đến nay, về phương diện nhận thức, Hội đồng Giám mục Việt Nam ngày càng làm sáng tỏ vấn đề này, song không phải vì thế mà không có những ý kiến trái chiều. Đó là sự phủ nhận vai trò lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng này nếu như xuất hiện trong hàng ngũ giám mục, thì ngược lại, hầu hết tín đồ Công giáo vẫn luôn tin tưởng vào vai trò và sứ mệnh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo đất nước. Điều này cho thấy, đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Công giáo Việt Nam chưa bao giờ là con đường bằng phẳng, phía trước vẫn còn nhiều ngáng trở.

Bắt nguồn từ luồng gió đổi mới của Công đồng Vatican II, đặc biệt từ đòi hỏi của dân tộc, đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Công giáo Việt Nam thể hiện một bước ngoặt về chất (cả nhận thức lẫn hành động). Gắn bó, đồng hành cùng dân tộc là ngôn từ do người Công giáo đề ra. Song mệnh đề này trở thành đường hướng chung cho các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, tuy có sự diễn ngôn khác nhau.

Đường hướng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Giáo hội Công giáo Việt Nam được hình thành trong lịch sử truyền bá và phát triển Công giáo ở Việt Nam dựa trên nền tảng *Kinh Thánh*, huấn quyền và đòi hỏi của dân tộc Việt Nam. Đó là đường hướng gắn Đạo với Đời, Công giáo với Dân tộc thực hiện sống “tốt đời, đẹp đạo”, là hoạt động tôn giáo tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động phát triển kinh tế, các hoạt động từ thiện xã hội, hội nhập với văn hóa dân tộc, cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Thư chung 1980* của Hội đồng Giám mục Việt Nam, Đoạn 5.
- 2 Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Một trang sử mới*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 61 - 62.
- 3 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Học viện Phanxicô: 354 - 355.
- 4 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008) *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, sđd: 366 - 367.
- 5 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, sđd: 377.
- 6 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, sđd: 142.
- 7 *Đứng dậy*, số 85, 1976: 114.
- 8 Nguyệt san Công giáo và Dân tộc (1995), *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*: 41.
- 9 Đây là *Hiến chế Vui mừng và Hy vọng (Gaudium et Spes)* của Công đồng Vatican II. Đoạn 21 nói về quan niệm của Giáo hội với thuyết vô thần.
- 10 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, sđd: 379 - 381.
- 11 *Đứng dậy*, số 85, 1976: 114.
- 12 *Công giáo và Dân tộc*, số 216, 2012: 23 - 24.
- 13 Điều 4, Khoản 1, *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2013) viết: Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.
- 14 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 437 - 438.
- 15 Linh mục Trần Tam Tinh (1988), *Thập giá và Lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh: 73 - 74.
- 16 *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1 (tái bản lần thứ nhất), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995: 497.
- 17 LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, sđd: 287 - 288.

- 18 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 105.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Công đồng Vatican II: Hiến chế, sắc lệnh và tuyên ngôn*, Tủ sách Đại kết, 1993.
2. *Công giáo và Dân tộc*, số 216, 2012.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. *Đứng dậy*, số 85, 1976.
6. *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.
7. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1 (tái bản lần thứ nhất), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Hội đồng Giám mục Việt Nam (1989), *Thư chung 1980*.
9. Linh mục Trần Tam Tinh (1998), *Thập giá và Lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. LM. Nguyễn Hồng Giáo, OFM (2008), *Một chặng đường Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Học viện Phanxicô.
11. *Một trang sử mới*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
12. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc (1995), *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*.